

Bản án số: 50/2017/DS-ST

Ngày: 15 tháng 8 năm 2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**.

2. Ông **Phạm Xoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST - DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở: Tầng B, tòa nhà C, quận D, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Diệu T - sinh năm 1992. Địa chỉ: 77 đường T, Phường B, Quận H, thành phố Đà Nẵng (văn bản ủy quyền số 9/2017/UQ-GDK-TDTD ngày 2/3/2017), (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Hồng H - sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A đường B, phường H, quận H, TP. Đà Nẵng (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2017, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/9/2014 Ngân hàng TMCP A và ông Trần Hồng H có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140906-142003-0017. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng cho ông H vay số tiền 31.430.184 đồng (trong đó có 1.496.675 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 4.59%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 19 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 47.771.000 đồng, trả vào ngày 08 hàng tháng, trong đó 19 tháng đầu mỗi tháng trả 2.515.000đ, tháng cuối cùng trả 2.501.000đ. Bắt đầu từ ngày 08/10/2014. Ông H đã nhận đủ số tiền trên.

Thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng 1 kì với tổng số tiền 2.515.000đ. Kể từ ngày 9/10/2014 ông H không thanh toán nữa dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 09/4/2017, ông Trần Hồng H còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là 45.256.000đ, trong đó nợ gốc: 30.357.830đ, nợ lãi 14.898.170đ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Trần Hồng H phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với ông Trần Hồng H để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông H đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

Ông Trần Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng ông H vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung:

Ngày 07/09/2014, ông Trần Hồng H đã ký vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng cho ông H vay số tiền 31.430.184 đồng (trong đó có 1.496.675 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 4.59%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 19 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 47.771.000 đồng, trả vào ngày 08 hàng tháng, trong đó 19 tháng đầu mỗi tháng trả 2.515.000đ, tháng cuối cùng trả 2.501.000đ. Bắt đầu trả từ ngày 08/10/2014

.Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã không trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả tổng số tiền: 45.256.000đ, trong đó nợ gốc: 30.357.830đ, nợ lãi 14.898.170đ (lãi tính đến ngày 15/8/2017).

Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 08/10/2014 ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 1 tháng với tổng số tiền 2.515.000đ. Kể từ ngày 09/10/2014 cho đến nay ông H không thanh toán cho Ngân hàng nữa, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 7 của hợp đồng tín dụng mà ông đã ký với Ngân hàng ngày 07/09/2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.256.000đ, trong đó nợ gốc: 30.357.830đ, nợ lãi 14.898.170đ (lãi tính đến ngày 15/8/2017) là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Án phí DS - ST ông Trần Hồng H phải chịu theo qui định của pháp luật là : $45.256.000đ \times 5\% = 2.262.800đ$.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp là: 1.131.400đ theo biên lai thu số 5995 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với ông Trần Hồng H.

Xử:

1. Buộc ông Trần Hồng H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền: 45.256.000đ, trong đó nợ gốc: 30.357.830đ, nợ lãi 14.898.170đ (lãi tính đến ngày 15/8/2017).

2. Án phí DS - ST ông Trần Hồng H phải chịu: 2.262.800đ.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng TMCP A đã nộp là: 1.131.400đ theo biên lai thu số 5995 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng

